TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM DƯƠNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 3 - 2025
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Duyên và bà Nguyễn Thị Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08b/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn Y, sinh năm 1996, có mặt;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997, có mặt.

Đều có địa chỉ cư trú: Thôn G, xã l, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 19 tháng 11 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng anh Trần Văn Y trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T chị kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã l, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 20/11/2017. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh ở xã L, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 9/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ

nần và nhắn tin qua lại với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 11 năm 2024 vẫn do nguyên nhân trên nên chị Y rời khỏi nhà anh đi ở nơi khác và vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2024 đến nay, trong thời gian ly thân anh và chị T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị T được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Trần Tường V, sinh ngày 25/4/2021. Hiện nay cháu đang ở với anh, khi ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Hiện nay, anh làm nghề buôn bán hàng tạp hóa, thu nhập bình quân từ 30.000.000đồng đến 40.000.000/tháng, đi làm trong ngày, không phải đi xa, anh ở cùng bố mẹ anh nên có nhiều điều kiện chăm sóc cháu V. Từ khi chị T đi ở nơi khác anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản có cho vay, khoản nợ, công sức và đất canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị xác nhận lời trình bày của anh Y về thời gian và thủ tục kết hôn, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn là do chị chơi bời dẫn đến nợ nần và có nhắn tin với người đàn ông trên mạng nên anh Y ghen tuông. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân giữa anh Y và chị đều không có thiện chí để cải thiện quan hệ vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Y xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Y có 01 con chung là cháu Trần Tường V, sinh ngày 25/4/2021. Hiện nay cháu đang ở với anh Y, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh Y cấp dưỡng.

Hiện nay chị đang làm Công ty Hòa Bình 2, thu nhập bình quân từ 10.000.000đồng đến 12.000.000đồng/tháng. Chị chưa có nhà ở riêng, nếu được nuôi con chung chị sẽ đưa cháu về nhà bố mẹ đẻ chị ở. Nhà của bố mẹ chị có anh trai và chị dâu ở cùng, nhưng vẫn đảm bảo cho chị và cháu V được ở cùng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản có cho vay, khoản nợ, công sức và đất canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay, chị còn nợ của một số cá nhân và nợ ngân hàng HD Sài Gòn 59.000.000đ, chị phải trả nợ theo kỳ, mỗi kỳ trả nợ lãi và gốc là 4.344.000đ, chị đã trả nợ cho ngân hàng được 4 kỳ. Số nợ này là nợ riêng của chị không liên quan đến anh Y. Chị không yêu cầu giải quyết số nợ này.

Về án phí: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Y được ly hôn chị T. Về con chung giao cháu V cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị Tuyên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại L, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện D thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Y và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc nên quan hệ hôn nhân giữa anh Y và chị T là hợp pháp. Quá trình chung sống qua thu thập chứng cứ và lời trình bày của anh Y, chị T đều xác định anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T chơi bời dẫn đến nợ nần và có nhắn tin qua lại với người đàn ông khác nên nhiều lần vợ chồng cãi nhau. Anh Y xin ly hôn, chị T đồng ý. Thấy rằng, anh chị đã ly thân từ tháng 11 năm 2024 đến nay, trong thời gian sống ly thân cả hai bên đều không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh Yên và chị T được ly hôn là phù hợp quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh Y, chị T đều xác định anh chị có 01 con chung là cháu Trần Tường V, sinh ngày 25/4/2021. Hiện nay cháu đang ở với anh Y, khi ly hôn anh Y và chị T đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu được nuôi con chung của anh Y và chị T là chính đáng. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu V cần xem xét đến điều kiện nuôi con của mỗi bên. Hiện nay, anh Y có nơi ở và thu nhập ổn định, anh kinh doanh hàng tạp hóa không phải đi xa nên có nhiều thời gian chăm sóc cháu V; còn chị T mặc dù có thu nhập ổn định nhưng phải trả nhiều khoản nợ, chưa có nhà riêng, nên điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con chung sẽ khó khăn hơn anh Y. Mặt khác, hiện nay cháu V đang được anh Y nuôi dưỡng tốt, thể chất và trí tuệ phát triển bình thường, cuộc sống đang ổn định không cần thay đổi môi trường sống của cháu, tránh ảnh hưởng đến thể chất và tâm sinh lý của cháu. Nên cần giao con chung là cháu Trần Tường V cho anh Y được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh Y không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên về cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, khoản nợ chung, khoản có chung, tài sản riêng, công sức, đất canh tác: Do anh Y và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Văn Y và chị Nguyễn Thị T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tường V, sinh ngày 25/4/2021 cho anh Trần Văn Y tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Tuyên có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, khoản nợ chung, khoản có chung, tài sản riêng,công sức, đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000532 ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

5.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D
- Các đương sự.
- UBND xã l;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Bích Ngọc